

Phụ lục

ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT ÁP DỤNG CHO CÁC DỰ ÁN KHUYẾN NÔNG TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-KHCN ngày tháng năm
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

I. MÔ HÌNH: TRỒNG CỎ NGỌT

1. Phần vật tư

Đơn vị tính: cho 01 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
I	Giống			
	- Giống trồng mới (cây trong bầu)	cây	100.000	
	- Giống trồng dặm (cây trong bầu)	cây	10.000	
II	Vật tư			
1	Đạm nguyên chất (N)	kg	120	
2	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	100	
3	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	90	
4	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
5	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	500	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai/năm	tháng	09	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Tập huấn kỹ thuật mô hình	ngày/lớp	1	
2.2	Tập huấn nhân rộng MH	ngày/lớp	2	
3	01 cán bộ chỉ đạo phụ trách	ha	10	

II. MÔ HÌNH: SẢN XUẤT PHÂN BÓN HỮU CƠ VI SINH TỪ CHẾ PHẨM BIOTECH JAPAN EM

1. Phần vật tư

TT	Hạng mục		Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	Loại phân	Nguyên liệu/chế phẩm			
1	Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phụ phẩm trồng trọt	Phụ phẩm từ trồng trọt (rơm rạ, thân lá, xơ dừa, vỏ quả ...)	kg	1.000	Nguyên liệu và chế phẩm để sản xuất ra 1 tấn phân hữu cơ vi sinh
		Chế phẩm Biotech Japan EM hoặc EM tương tự	lít	5	
		Đạm nguyên chất (N)	kg	1	
		Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	1	
		Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	1	
		Nấm Trichoderma	kg	1	
		Cám gạo, bột ngô, bột mì...	kg	10	
		Vôi bột	kg	10	
2	Sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ chất thải thủy sản	Phế phụ phẩm thủy sản (bùn đáy ao nuôi)	tấn	2	Nguyên liệu và chế phẩm để sản xuất ra 1 tấn phân hữu cơ vi sinh
		Chế phẩm Biotech Japan EM hoặc EM tương tự	lít	5	
		Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	1	
		Xơ dừa	kg	250	
		Vôi bột	kg/tấn	10	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.

2. Phần triển khai: Áp dụng cho 01 trong 2 công thức sản xuất phân ở trên.

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	3	
2	Đào tạo, tập huấn			
2.1	Lớp cho người tham gia mô hình	ngày/lớp	1	
2.2	Lớp cho đối tượng nhân rộng mô hình	ngày/lớp	2	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	tấn nguyên liệu	200	

III. MÔ HÌNH SẢN XUẤT HOA CÚC

1. Phần vật tư

Đơn vị tính cho: 1 ha

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Ghi chú
1	Giống (Cúc bông hoặc cúc cảnh)			
	- Cúc bông	cây	400.000	
	- Cúc cảnh	cây	350.000	
2	Đạm nguyên chất (N)	kg	140	Vật tư cho 1 ha trồng cúc bông hoặc cúc cảnh
3	Lân nguyên chất (P ₂ O ₅)	kg	175	
4	Kali nguyên chất (K ₂ O)	kg	150	
5	Phân hữu cơ sinh học	kg	3.000	
6	Phân bón lá	1.000 đ	3.000	
7	Thuốc bảo vệ thực vật	1.000 đ	3.000	
8	Vôi bột	kg	800	
9	Vật tư khác (điện chiếu sáng):			
	- Dây điện (1,5-2,0 ly)	m	5.000	
	- Bóng điện (Compac 20 W hoặc sợi đốt 75 W)	cái	1.660	

*Các loại đạm, lân, kali nguyên chất được quy đổi ra phân đơn hoặc phân hỗn hợp với tỷ lệ tương ứng.

2. Phần triển khai

TT	Nội dung	Đơn vị	Định mức	Ghi chú
1	Thời gian triển khai	tháng/năm	04	
2	Tập huấn, đào tạo			
2.1	Tập huấn trong mô hình	ngày/lớp	01	
2.2	Đào tạo ngoài mô hình	ngày/lớp	02	
3	01 cán bộ kỹ thuật chỉ đạo phụ trách	ha	≤ 1	